

Số: ~~473~~ /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 08 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch duy trì, nâng cao
Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch duy trì, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch duy trì, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- UBND xã, phường, thị trấn (UBND các huyện, thị xã, thành phố sao gửi, chỉ đạo thực hiện);
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, CNXD, NL, KT, TH, TC-HC, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành

KẾ HOẠCH

Duy trì, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX)

tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020

*(Kèm theo Quyết định số: 413 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phân đầu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2016-2020 của UBND tỉnh trên cơ sở Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ; Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 01/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ XV về CCHC và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020.

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, địa phương về công tác CCHC trong việc xây dựng hệ thống cơ quan hành chính nhà nước thông suốt từ cấp tỉnh đến cơ sở, xây dựng bộ máy hành chính trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; tăng tính dân chủ, pháp quyền trong hoạt động điều hành; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CB,CCVC) có phẩm chất, năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực thi công vụ; mang lại sự hài lòng cho tổ chức, công dân, góp phần nâng cao Chỉ số CCHC của tỉnh trong giai đoạn 2016-2020;

- Tiếp tục nâng cao Chỉ số CCHC của tỉnh đã đạt được trong năm 2016 đồng thời tập trung cải thiện, nâng cao chất lượng hoạt động ở các lĩnh vực, tiêu chí tính tự đánh giá, chấm điểm và lĩnh vực, tiêu chí do Bộ Nội vụ thẩm định chưa đạt, cụ thể: Lĩnh vực công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; lĩnh vực xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) tại tỉnh; lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CB,CCVC; lĩnh vực đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; lĩnh vực hiện đại hóa nền hành chính.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020 của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016; Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020 của UBND tỉnh theo Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 01/7/2016; bám sát các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần Bộ Chỉ số CCHC cấp tỉnh của Bộ Nội vụ tại Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày

28/12/2016 về phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong công tác CCHC; đảm bảo sự tham gia đánh giá của cá nhân, tổ chức trong quá trình triển khai CCHC của tỉnh.

- Tăng cường trách nhiệm giám sát, đôn đốc, hướng dẫn và công tác phối hợp của các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì triển khai các lĩnh vực CCHC của tỉnh; nêu cao vai trò, trách nhiệm của CBCC trong thực thi công vụ nhằm đáp ứng sự hài lòng cho tổ chức, công dân khi giao dịch với cơ quan hành chính.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh khi triển khai xây dựng kế hoạch CCHC hàng năm cần phân định cụ thể lĩnh vực thực hiện, thời gian thực hiện; phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, tổ chức và CB, CCVC; tăng cường kiểm tra, đôn đốc; định kỳ sơ kết, tổng kết nhằm đánh giá kết quả thực hiện và đề ra giải pháp thích hợp nhằm tiếp tục đẩy mạnh CCHC ở tỉnh.

II. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP, TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

A. NHÓM TIÊU CHÍ THỰC HIỆN THƯỜNG XUYỀN

1. Lĩnh vực 1: Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

1.1. Nội dung thực hiện

Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành CCHC từ cấp tỉnh đến cơ sở; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; công tác tuyên truyền CCHC; thực hiện hiệu quả Đề án của Bộ Nội vụ về “Xác định Chỉ số CCHC của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” ban hành theo Quyết định 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC; Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 1383/QĐ-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án “Xây dựng phương pháp đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước”; Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 27/6/2016 của UBND tỉnh về tổ chức thực hiện việc xin lỗi cá nhân, tổ chức theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ; văn bản số 627/UBND-NC ngày 26/02/2016 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả công tác và tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; văn bản số 1034/UBND-NC ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh về tập trung thực hiện các nhiệm vụ CCHC, kiểm soát TTHC...

1.2. Giải pháp thực hiện

- Tham mưu ban hành Kế hoạch CCHC hàng năm của tỉnh đảm bảo đúng tiến độ, khả thi; kế hoạch phải xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực, kết

quả đầu ra, trách nhiệm tổ chức thực hiện, thời gian hoàn thành theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại văn bản số 725/BNV-CCHC ngày 01/3/2012 về hướng dẫn xây dựng kế hoạch CCHC và báo cáo CCHC hằng năm; mức độ hoàn thành 100% kế hoạch.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC định kỳ (quý, 6 tháng, năm) đảm bảo về số lượng, nội dung (có số liệu cụ thể, sát với kết quả thực tế đạt được), đúng thời gian theo yêu cầu của UBND tỉnh và hướng dẫn của Bộ Nội vụ; thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC, điểm tự chấm của đơn vị, địa phương phải chính xác 100% so với kết quả thẩm định của Bộ Nội vụ, đồng thời, thực hiện đầy đủ công tác báo cáo đột xuất về CCHC theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tham mưu ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC hàng năm của tỉnh; tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra hàng năm đạt từ 30% số đơn vị, địa phương trở lên; xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

- Tham mưu ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm của tỉnh đảm bảo tính hiệu quả, khả thi; kế hoạch phải xác định rõ mục tiêu, đối tượng cụ thể, nội dung, hình thức và thời lượng tuyên truyền; xác định rõ trách nhiệm thực hiện tuyên truyền; kế hoạch có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép trong Kế hoạch CCHC hàng năm của tỉnh; mức độ hoàn thành 100% kế hoạch; thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung CCHC trên 03 kênh truyền thông cấp tỉnh: Cổng/Trang Thông tin điện tử, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, hội nghị tuyên truyền, đồng thời nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo đa dạng các hình thức tuyên truyền khác.

1.3. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện: Sở Nội vụ.

- Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch của đơn vị, địa phương.

2. Lĩnh vực 2: Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) tại tỉnh

2.1. Nội dung thực hiện

Thực hiện đúng quy trình, quy định việc lập danh mục nghị quyết của HĐND tỉnh và quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước trình cấp có thẩm quyền ban hành đúng theo quy định tại Điều 157 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và khoản 3, Điều 28 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL; các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy trình, quy định xây dựng và ban hành văn bản QPPL theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ; giải quyết dứt điểm tình trạng nợ đọng văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản QPPL của Trung ương do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong năm 2014, 2015; cập

nhật thường xuyên các văn bản QPPL của tỉnh lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật theo quy định.

2.2. Giải pháp thực hiện

- Xây dựng văn bản QPPL hàng năm của tỉnh đạt 100% tiến độ theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo 100% văn bản QPPL hàng năm được xây dựng đúng quy trình.

Đối với các văn bản QPPL được Trung ương giao quy định chi tiết thi hành tỉnh còn nợ đọng trong năm, cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện nếu gặp khó khăn trong việc xây dựng, ban hành cần phải nêu rõ lý do, đề xuất HĐND, UBND tỉnh cho ý kiến.

- Tham mưu ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về tình hình theo dõi thi hành pháp luật, Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/12/2014 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ nhằm xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật; kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của tỉnh; mức độ hoàn thành 100% kế hoạch; báo cáo Bộ Tư pháp đúng nội dung và thời gian quy định; xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% số vấn đề phát hiện qua theo dõi.

- Thực hiện nghiêm túc công tác rà soát và chế độ báo cáo về công tác rà soát văn bản QPPL, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát văn bản QPPL theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL và công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý văn bản QPPL theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

2.3. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện: Sở Tư pháp.

- Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện: Văn phòng HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.

3. Lĩnh vực 3: Cải cách TTHC

3.1. Nội dung thực hiện

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC, trọng tâm là rà soát, đơn giản hóa, công khai, minh bạch TTHC; thường xuyên thông kê, rà soát những TTHC rườm rà, chồng chéo, không phù hợp để kịp thời đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định liên quan không còn phù hợp, đặc biệt trong các lĩnh vực: Đầu tư; đất đai; xây dựng; sở hữu nhà ở; y tế; tiếp cận điện năng; quản lý thị trường... tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện giao dịch với các cơ quan hành chính; đẩy mạnh công khai, minh bạch về

TTHC; kiểm soát tốt việc ban hành các văn bản QPPL có quy định về TTHC, phấn đấu đến năm 2020 đạt 80% mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp về TTHC.

3.2. Giải pháp thực hiện

- Tham mưu ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; mức độ hoàn thành 100% kế hoạch; xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát; báo cáo cụ thể kết quả thực hiện kế hoạch và kết quả xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát cho UBND tỉnh theo quy định.

- Công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan theo quy định tại Điều 15, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; cập nhật kịp thời TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC; báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát, công bố, cập nhật TTHC.

- 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương phục vụ việc tìm hiểu, tuân thủ TTHC của tổ chức, cá nhân; tạo điều kiện để các cấp chính quyền và nhân dân kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC; góp phần phòng, chống tiêu cực, củng cố lòng tin của nhân dân.

- Thực hiện đúng quy định kênh tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh theo đúng quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của UBND tỉnh về ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý hiệu quả 100% số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh.

3.3. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện: Sở Tư pháp.

- Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Lĩnh vực 4: Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

4.1. Nội dung thực hiện

Tiếp tục rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện; các cơ quan, tổ chức khác thuộc bộ máy hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh

(bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp công lập) theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy, trên cơ sở đó điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị, đảm bảo thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND tỉnh, UBND cấp huyện được thống nhất, thông suốt, tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội của địa phương và yêu cầu CCHC; không chồng chéo, bỏ trống về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

4.2. Giải pháp thực hiện

- Tham mưu triển khai đầy đủ, hiệu quả quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu ban hành Kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện; tỷ lệ cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong năm đạt từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên; 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý.

- Thực hiện đầy đủ các quy định phân cấp quản lý được quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và quy định phân cấp quản lý do các bộ, ngành ban hành; hằng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp; xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% số vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra.

4.3. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện: Sở Nội vụ.

- Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện tự rà soát, kiểm toàn tổ chức bộ máy tại cơ quan, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Lĩnh vực 5: Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CB,CCVC

5.1. Nội dung thực hiện

Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; xây dựng đội ngũ CB,CCVC có số lượng, cơ cấu hợp lý, đáp ứng đủ trình độ và năng lực thi hành công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực thi công vụ của đội ngũ CB,CCVC nhà nước các cấp; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh đối với CB,CCVC vi phạm.

5.2. Giải pháp thực hiện

- Tiếp tục triển khai thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt; đảm bảo đến năm 2020, 100% số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, đơn vị hành chính thuộc UBND cấp huyện và 100% số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, huyện có cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được Bộ Nội vụ phê duyệt.

- Tham mưu tổ chức tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện theo đúng quy định trên cơ sở đảm bảo đúng số biên chế được giao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm đã được phê duyệt.

- Tổ chức thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh đúng quy định; đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; phù hợp với vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Thực hiện đúng quy định, quy trình bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương theo tiêu chuẩn, điều kiện, chức danh bổ nhiệm, cơ cấu số lượng theo quy định của Chính phủ và có báo cáo đầy đủ; thực hiện đúng quy định việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

- Ban hành kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm của tỉnh theo quy định của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Nội vụ tại văn bản số 2591/BNV-TCBC ngày 10/6/2016 về quản lý biên chế công chức, biên chế sự nghiệp và tinh giản biên chế; mức độ hoàn thành 100% kế hoạch.

- Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CB,CCVC hàng năm theo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, ngạch công chức; đúng đối tượng, mục tiêu đào tạo; phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ công tác; mức độ hoàn thành từ 100% kế hoạch; thực hiện đúng quy định công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng CB, CCVC.

5.3. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện: Sở Nội vụ.

- Đơn vị thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã xây dựng kế hoạch, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ sở đào tạo để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ CB,CCVC các cấp.

6. Lĩnh vực 6: Cải cách tài chính công

6.1. Nội dung thực hiện

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ.

6.2. Giải pháp thực hiện

Thực hiện đúng quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, đơn vị hành chính thuộc UBND huyện.

6.3. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện: Sở Tài chính.

- Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện triển khai hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan, đơn vị.

7. Lĩnh vực 7: Hiện đại hóa hành chính

7.1. Nội dung thực hiện

Đẩy mạnh CCHC gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào quy trình xử lý công việc của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa các cơ quan hành chính với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 về phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi trên nhiều phương tiện khác nhau; triển khai xây dựng Chính quyền điện tử.

7.2. Giải pháp thực hiện

- Tham mưu ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm của tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; đáp ứng được yêu cầu về lộ trình triển khai và nguồn kinh phí thực hiện; mức độ hoàn thành đạt 100% kế hoạch.

- Thực hiện triệt để việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành để trao đổi văn bản điện tử theo quy định của UBND tỉnh tại Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 về ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống phần mềm Quản lý văn bản điều hành liên thông trên địa bàn tỉnh và các phần mềm khác như: Phần mềm “Một cửa điện tử liên thông” trong xử lý TTHC; phần mềm tổng hợp tình hình xử lý hồ sơ trên địa bàn tỉnh (<http://motcua.gialai.gov.vn>); phần mềm đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức; phần mềm theo dõi, giao việc do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao... Phần đầu hàng năm có từ 80% số văn bản trở lên được trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử và đến năm 2020, thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản tại 4 cấp (từ cấp trung ương đến cấp tỉnh đến cấp xã).

- Tích cực tuyên truyền, sử dụng có hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Tham mưu triển khai có hiệu quả Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước; phần đầu đến năm 2020, 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008; 100% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định.

7.3. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đơn vị thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã triển khai hiệu quả tại cơ quan, đơn vị mình quản lý.

8. Lĩnh vực 8: Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

8.1. Nội dung thực hiện

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 18/8/2015 của UBND tỉnh về ban hành Quy chế quản lý, vận hành khai thác hệ thống “một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông” trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Gia Lai.

Triển khai Quyết định 882/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của UBND tỉnh về ban hành Đề án triển khai thí điểm mô hình tổ chức, hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tập trung của tỉnh và Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh về thành lập Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tập trung của tỉnh, chuẩn bị các điều kiện cần thiết nhằm đưa Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả tập trung của tỉnh chính thức đi vào hoạt động trong năm 2017 để thực hiện tiếp nhận và giải quyết liên thông tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của 05 cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Công thương.

8.2. Giải pháp thực hiện

- Tổ chức rà soát lại việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan, đơn vị, địa phương; điều chỉnh hồ sơ, biểu mẫu, quy trình, các bước thực hiện và những vấn đề liên quan đến việc giải quyết TTHC. Rà soát, bố trí và phân công công chức có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo đúng quy định; ban hành quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc trách nhiệm quản lý. Đảm bảo trong năm có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa và phần đầu đến năm 2020 có từ 50 TTHC trở lên được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các lĩnh vực khác phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của tỉnh.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ đạo, tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (nếu có nhiều TTHC liên quan đến tổ chức, cá nhân).

- Nâng cao chất lượng phục vụ của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại tất cả các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nhằm phục vụ tốt yêu cầu giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; phấn đấu hàng năm có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm tại các cơ quan, đơn vị được giải quyết đúng hạn.

8.3. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện: Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; Sở Thông tin và Truyền thông.

- Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã chủ động triển khai thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa hiện đại.

B. NHÓM TIÊU CHÍ CẦN ĐẦU TƯ KINH PHÍ ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Lĩnh vực 7: *Hiện đại hóa hành chính (Tiêu chí thành phần 7.1.2 xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh thuộc tiêu chí 7.1 về Ứng dụng CNTT của tỉnh; Tiêu chí 7.2. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến)*

1.1. Nội dung thực hiện

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử; Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020; công văn số 9471/VPCP-KGVX ngày 16/11/2015 của Văn phòng Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết về Chính phủ điện tử; công văn số 1034/UBND-NC ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh về tập trung thực hiện các nhiệm vụ CCHC, kiểm soát TTHC; việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến sẽ giúp cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện giảm tải được áp lực công việc; giải quyết công việc nhanh chóng, thuận tiện, khoa học; tạo điều kiện cho người dân được hưởng thụ dịch vụ thuận lợi, tiết kiệm chi phí cũng như thời gian đăng ký, giao dịch các TTHC, hạn chế biểu hiện nhũng nhiễu, quan liêu, gây phiền hà.

1.2. Giải pháp thực hiện

- Xây dựng và triển khai Khung kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh trong năm 2017; bố trí ngân sách đầu tư xây dựng Chính quyền điện tử cấp tỉnh; bảo đảm nền tảng triển khai các ứng dụng CNTT (như mạng truyền dẫn, hệ thống máy chủ, mạng, thiết bị bảo đảm an toàn, an ninh thông tin); triển khai sớm dịch vụ chia sẻ, tích hợp để có thể dùng chung, kết nối, liên thông các ứng dụng; tiếp tục triển khai áp dụng các ứng dụng đơn giản nhưng hiệu quả (quản lý văn bản điều hành; tài chính, tài sản...). Sau khi xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh cần tiếp tục duy trì và cập nhật theo quy định trong những năm tiếp theo (giai đoạn 2018-2020).

- Tiếp tục xây dựng và triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 đồng thời các dịch vụ công trực tuyến này phải được tích hợp với hệ thống Một cửa điện tử liên thông, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia để thuận tiện cho CBCC, người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong việc nộp hồ sơ TTHC, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC. Phần đầu hàng năm có từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên được xử lý trực tuyến mức độ 3 và từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên được xử lý trực tuyến mức độ 4 và đến năm 2020, có từ 80% số hồ sơ TTHC trở lên được xử lý trực tuyến ở mức độ 3 và từ 60% số hồ sơ TTHC trở lên được xử lý trực tuyến ở mức độ 4. Thực hiện đúng quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến đồng thời phối hợp với mạng lưới bưu chính, viễn thông, thư viện để hỗ trợ người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

1.3. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Đơn vị thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai hiệu quả tại cơ quan, đơn vị mình quản lý.

2. Lĩnh vực 8: Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông (Tiêu chí 8.2 về tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại)

2.1. Nội dung thực hiện

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; hiện đại hóa, duy trì hiệu quả Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp huyện theo Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND tỉnh.

2.2. Giải pháp thực hiện

- Tiếp tục kiểm tra, rà soát về diện tích, cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các đơn vị hành chính cấp huyện; bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách để đầu tư xây dựng, trang bị cơ sở vật chất đáp ứng theo yêu cầu tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng phần mềm Một cửa điện tử; từng bước trang bị đủ hạ tầng CNTT và các thiết bị chuyên dụng đáp ứng đầy đủ điều kiện triển khai Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp huyện.

- Thường xuyên tổ chức tập huấn sử dụng phần mềm Một cửa điện tử và các thiết bị điện tử cho đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp huyện và công chức phụ trách CNTT tại các đơn vị để nắm bắt và triển khai hiệu quả hoạt động của các thiết bị, phần mềm; sắp xếp, bố trí công

chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và công chức phụ trách CNTT đúng theo tiêu chuẩn quy định.

2.3. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện: Sở Nội vụ; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài chính.

- Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

C. NHÓM TIÊU CHÍ KHÓ THỰC HIỆN

1. Lĩnh vực 1: Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC (Tiêu chí 1.5 về sáng kiến trong CCHC)

1.1. Nội dung, giải pháp thực hiện

Đề xuất sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh trong từng năm; giải pháp, sáng kiến phải đảm bảo tiêu chí lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử trong phạm vi toàn tỉnh và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh.

1.2. Giải pháp thực hiện

Nâng cao trách nhiệm của Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã trong việc chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, CB, CCVC nghiên cứu, đề xuất sáng kiến mới thuộc lĩnh vực cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện công tác CCHC chung của tỉnh.

1.3. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã chủ động đề xuất sáng kiến trong triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh.

2. Lĩnh vực 5: Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CB,CCVC (Tiêu chí 5.8 về cán bộ, công chức cấp xã)

2.1. Nội dung thực hiện

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức; phấn đấu 100% số cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn và từ 70% số cán bộ, công chức cấp xã trở lên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm.

2.2. Giải pháp thực hiện

- Rà soát lại tổng thể đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn về số lượng, chất lượng theo từng nhóm chức danh, gắn với vị trí công việc hiện tại; xác định rõ những mặt hạn chế và yếu kém để đào tạo, bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa sử dụng lâu dài hoặc bổ sung, thay thế; chú trọng đào tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số, cán bộ, công chức là nữ.

- Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của địa phương cần gắn với nhu cầu sử dụng, quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Ưu tiên đào tạo các vị trí quan trọng, cần thiết; có cơ chế đặc biệt nhằm tiếp tục khuyến khích cán bộ, công chức tự học tập, bồi dưỡng.

- Thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã; đánh giá hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng nhằm rút kinh nghiệm, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai trong những năm tiếp theo.

2.3. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện: Sở Nội vụ.

- Đơn vị thực hiện: UBND cấp huyện, UBND cấp xã xây dựng kế hoạch, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ sở đào tạo để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

3. Lĩnh vực 6: Cải cách tài chính công (Tiêu chí 6.2 về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh)

3.1. Nội dung thực hiện

Tiếp tục triển khai thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác theo lộ trình và các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương. Tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của thủ trưởng các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện trong việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

3.2. Giải pháp thực hiện

Từng bước trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện trong việc tổ chức công việc, sắp xếp lại bộ máy, sử dụng biên chế và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ với chất lượng cao cho xã hội; tăng nguồn thu nhằm từng bước giải quyết thu nhập cho người lao động; phấn đấu hàng năm có số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, huyện tự đảm bảo chi thường xuyên tăng so với năm trước. Đến năm 2020, có 100% số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, huyện triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; từ 80% trở lên số đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp; 100% số đơn vị sự nghiệp công lập đã triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

3.3. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện: Sở Tài chính.

- Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, huyện triển khai hiệu quả cơ chế tự chủ tại cơ quan, đơn vị.

4. Lĩnh vực 7: Hiện đại hóa hành chính (Tiêu chí thành phần 7.3.2 về tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008)

4.1. Nội dung thực hiện

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai áp dụng hệ thống Quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; phấn đấu đến hết năm 2020 có 100% đơn vị hành chính cấp xã công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

4.2. Giải pháp thực hiện

UBND cấp xã xây dựng và công bố hệ thống quản lý chất lượng căn cứ theo TTHC thuộc thẩm quyền đã được công khai và quy định tại khoản 3, Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 27/2011/TT-BKHCN ngày 04/10/2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với cơ quan hành chính nhà nước.

4.3. Trách nhiệm thực hiện

- Đơn vị chủ trì triển khai thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Đơn vị thực hiện: UBND cấp huyện, UBND cấp xã tổ chức triển khai việc xây dựng và công bố hệ thống quản lý chất lượng tại cơ quan, đơn vị mình quản lý.

D. ĐỐI VỚI CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

Việc tiến hành điều tra xã hội học để xác định Chỉ số CCHC của tỉnh do Bộ Nội vụ tổ chức triển khai đối với 5 nhóm đối tượng: Đại biểu HĐND tỉnh; lãnh đạo sở, ban, ngành tỉnh; lãnh đạo cấp huyện; người dân; doanh nghiệp.

Nội dung điều tra, khảo sát gồm: Sự tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; sự tác động đến chất lượng thể chế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh; sự tác động đến tình hình giải quyết TTHC; sự tác động đến tổ chức bộ máy hành chính; sự tác động đến đội ngũ công chức giải quyết TTHC; sự tác động đến quản lý tài chính công; sự tác động đến hiện đại hóa hành chính; sự tác động đến chất lượng cung cấp dịch vụ công... Việc điều tra xã hội học trong những năm qua có điểm số thấp, phần lớn trách nhiệm thuộc về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra của các cấp, các ngành đối với việc thực thi các chính sách, chủ trương của tỉnh chưa hiệu quả, chưa triệt để nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, đáp ứng sự hài lòng của tổ chức, công dân.

Để tiếp tục duy trì, nâng cao Chỉ số CCHC (PAR INDEX) tỉnh Gia Lai giai đoạn 2017-2020, UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã nêu cao tinh thần, ý thức trách nhiệm, chỉ đạo triển khai tốt các hoạt động quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực và theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đảm bảo tạo thuận lợi tối đa và tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp trong tương tác với chính quyền các cấp, nhất là trong việc triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của tỉnh, việc giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

E. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐỂ NÂNG CAO CHỈ SỐ PAR INDEX *(Phụ lục kèm theo)*

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm:

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ CCHC, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ sau: Ban hành và thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm; bố trí đủ nguồn lực, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC. Thực hiện tốt công tác rà soát TTHC để chủ động cắt giảm thời gian, quy trình, thành phần hồ sơ TTHC không hợp lý, không phù hợp thực tế thực hiện, đồng thời kiến nghị các cơ quan Trung ương sửa đổi, bãi bỏ các quy định không hợp lý; thực hiện tốt công tác công khai TTHC; xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế tổ chức hoạt động, bố trí con người, trang thiết bị, phòng làm việc, việc vận hành hệ thống CNTT, quy trình nghiệp vụ tiếp nhận xử lý hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử của tỉnh, hộp thư điện tử công vụ để trao đổi thông tin, xử lý công việc; ứng dụng hiệu quả các phần mềm (quản lý văn bản và điều hành; đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; công khai tiến độ hồ sơ công việc...) thường xuyên cập nhật, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

- Chấn chỉnh, đổi mới lề lối làm việc, thái độ phục vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức đối với nhân dân; không để xảy ra tình trạng nhũng nhiễu, hách dịch, thờ ơ, thiếu trách nhiệm, tiêu cực trong việc xử lý công việc, hồ sơ TTHC; kiên quyết xử lý nghiêm tình trạng CBCC có hành vi trên khi thực thi công vụ; kịp thời tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đến giao dịch hành chính tại cơ quan, đơn vị để có biện pháp xử lý, khắc phục.

- Đề xuất và triển khai các sáng kiến kinh nghiệm trong công tác CCHC trên địa bàn tỉnh; thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo CCHC định kỳ theo văn bản số 725/BNV-CCHC ngày 01/3/2012 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn xây dựng kế hoạch CCHC và báo cáo CCHC hàng năm; văn bản số 985/SNV-CCHC ngày 18/7/2016 của Sở Nội vụ về hướng dẫn xây dựng kế hoạch CCHC năm, thực hiện chế độ báo cáo CCHC và báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC, điểm tự chấm của cơ quan, đơn vị, địa phương phải trung thực, chính xác 100% so với kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định Chỉ số CCHC của tỉnh và kết quả thẩm định của Bộ Nội vụ.

- Tăng cường công tác phối hợp, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC thuộc phạm vi quản lý; chủ động đề xuất với UBND tỉnh về những nhiệm vụ trọng tâm CCHC cần có sự chỉ đạo liên ngành thực hiện.

2. Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp tốt với các cơ quan, đơn vị trong việc tham mưu trình UBND tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch, báo cáo kịp thời, đúng tiến độ về thời gian.

3. Sở Nội vụ

- Là cơ quan thường trực CCHC tỉnh có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch nhằm cải thiện thứ hạng từng tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC được xác định trong Đề án Chỉ số CCHC. Định kỳ 6 tháng, hằng năm tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch ở các cấp, các ngành, báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh.

- Chủ trì, triển khai thực hiện tốt các lĩnh vực: Chỉ đạo, điều hành CCHC; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CB,CCVC; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông các cấp.

- Tổ chức các đoàn thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất về CCHC, công vụ, công chức; kiến nghị, đề xuất xử lý nghiêm đối với các trường hợp CB,CCVC vi phạm nội quy, quy chế làm việc; có thái độ sách nhiễu đối với người dân, doanh nghiệp, kéo dài thời gian giải quyết TTHC.

- Hàng năm, rà soát và đánh giá tỷ lệ các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt các quy định về tuyển dụng, bố trí, sử dụng đội ngũ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, rà soát thực trạng phân cấp quản lý để tham mưu UBND tỉnh các giải pháp đẩy mạnh cải cách tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính

- Theo dõi, giám sát, đánh giá và cải thiện thứ hạng từng tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC trong lĩnh vực cải cách tài chính công đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tham mưu trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị trong dự toán chi thường xuyên hàng năm; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp báo cáo việc thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí tại cơ quan hành chính, cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Theo dõi, giám sát, đánh giá và cải thiện thứ hạng từng tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC trong lĩnh vực hiện đại hóa hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

- Tham mưu UBND tỉnh đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan chuyên môn nhà nước; phối hợp với các ngành, địa phương thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức 3 và 4; kịp thời tham mưu ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, tổ chức thực hiện và có báo cáo kết quả cụ thể hàng năm.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Triển khai, theo dõi, kiểm tra việc ứng dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, đánh giá việc thực hiện tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

7. Sở Tư pháp

- Theo dõi, đánh giá và cải thiện thứ hạng từng tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số CCHC trong các lĩnh vực: Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL tại tỉnh; Cải cách TTHC.

- Tham mưu UBND tỉnh văn bản chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh trong việc tổ chức triển khai thực hiện văn bản QPPL của Trung ương ban hành; theo dõi việc công khai TTHC của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Cổng/Trang thông tin điện tử.

8. Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo

Nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ viên chức y tế và giáo dục; chất lượng khám chữa bệnh, chất lượng dạy và học, thái độ phục vụ của đội ngũ viên chức, từ đó nâng chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công và chất lượng dịch vụ giáo dục công của tỉnh.

9. Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai

Chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan tích cực tuyên truyền, phản ánh hoạt động CCHC của các cấp, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh; tăng cường đưa tin về hoạt động CCHC trên Báo Gia Lai và các chương trình Phát thanh, truyền hình của tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố.

Tích cực đăng tin, bài phản ánh đúng thực tế, khách quan về tình hình, kết quả CCHC, cải cách TTHC, giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương từ tỉnh đến cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh (kể cả những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực công tác này) để giúp người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương có giải pháp tích cực trong chỉ đạo, quản lý, điều hành.

Giám đốc các sở; thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công cụ thể trách nhiệm để triển khai các nội dung, nhiệm vụ nêu tại Kế hoạch này; định kỳ báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ).

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh các nhiệm vụ mới theo chỉ đạo của trung ương, của tỉnh hoặc các cơ quan, đơn vị, địa phương nhận thấy bất cập, vướng mắc trong việc triển khai các nhiệm vụ đã giao thì đề xuất UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *ph*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Võ Ngọc Thành

PHỤ LỤC

NHIỆM VỤ CỤ THỂ NHÂM DUY TRÌ, NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC (PAR INDEX)

TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2017-2020



(Kèm theo Quyết định số: 473/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
1	2	3	4	5	6
A NHÓM TIÊU CHÍ THỰC HIỆN THƯỜNG XUYỀN					
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC				
1	Ban hành, triển khai thực hiện Kế hoạch CCHC và Kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm của tỉnh; có thẻ lồng ghép kế hoạch tuyên truyền trong Kế hoạch CCHC	Sở Nội vụ	Các sở: Tư pháp; Tài chính; Khoa học và Công nghệ; Thông tin và truyền thông; Đài PTTH, Báo Gia Lai	1. Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC và Kế hoạch tuyên truyền CCHC hàng năm của tỉnh; 2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch (đánh giá tỉ lệ % thực hiện).	1. Kế hoạch ban hành trong quý IV của năm trước liên kế năm thực hiện kế hoạch; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ.
2	Thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo CCHC định kỳ và báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	- Báo cáo phải đảm bảo về số lượng, nội dung, thời gian quy định; số liệu báo cáo rõ ràng, chính xác;	1. Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện gửi báo cáo về Sở Nội vụ; + Báo cáo quý, Báo cáo chuyên đề gửi trước ngày

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
				- Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC; điểm tự chấm phải chính xác 100% so với kết quả thẩm định của Bộ Nội vụ.	05 tháng cuối cùng của quý; Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 05/6; Báo cáo năm gửi trước ngày 25/11; + Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC gửi trước ngày 15/4 năm liền kề sau năm đánh giá. 2. Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo, trình UBND tỉnh: + Báo cáo quý gửi trước ngày 10 tháng cuối cùng của quý; Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 10/6; Báo cáo năm gửi trước ngày 02/12; + Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC gửi trong tháng 5 của năm liền kề sau năm đánh giá.
3	Kiểm tra công tác CCHC	Sở Nội vụ	Các sở: Tư pháp; Tài chính; Khoa học và công nghệ; Thông tin và truyền thông và các cơ quan, đơn vị khác có	1. Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC hàng năm của tỉnh; 2. Báo cáo mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra.	1. Kế hoạch ban hành trong quý IV của năm trước liền kề năm thực hiện kế hoạch; 2. Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra trong quý III của năm thực hiện kế



TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
II XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QPPL LƯU TẠI TỈNH					
1	Xây dựng văn bản QPPL hàng năm của tỉnh theo Thông báo của Bộ Tư pháp về danh mục các nội dung giao cho địa phương quy định chi tiết: - Lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quyết định của Chủ tịch nước; - Xây dựng văn bản quy định chi tiết	Sở Tư pháp	Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và cơ quan, đơn vị có liên quan	Danh mục văn bản quy định chi tiết	Theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ
		Sở, ban, ngành tỉnh		Văn bản QPPL của tỉnh	
2	Công tác theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	1. Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm của tỉnh; 2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch.	1. Kế hoạch ban hành trong quý IV của năm trước liên kế năm thực hiện kế hoạch; 2. Báo cáo kết quả thực hiện trong quý IV năm thực hiện kế hoạch.
3	Công tác rà soát văn bản QPPL	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp cấp huyện	Báo cáo hàng năm về công tác rà soát văn bản QPPL của Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện.	Theo quy định tại Điều 139, Điều 170, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 6 Quyết định số 06/2017/QĐ-

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
		Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Báo cáo hàng năm về công tác rà soát văn bản QPPL của tỉnh.	UBND ngày 06/02/2017 của UBND tỉnh
4	Kiểm tra, xử lý văn bản QPPL	Sở Tư pháp	-	- Kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL hàng năm của tỉnh; - Báo cáo về công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL hàng năm của tỉnh.	Theo quy định tại Điều 135, Điều 185 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 6 Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của UBND tỉnh
		Phòng Tư pháp cấp huyện	-	- Kế hoạch kiểm tra văn bản QPPL hàng năm của huyện; - Báo cáo về công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL hàng năm của cấp huyện.	
III	CẢI CÁCH TTHC				
1	Công tác rà soát, đánh giá TTHC	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	1. Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC hàng năm của tỉnh; 2. Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC;	1. Kế hoạch ban hành trong quý IV của năm trước liền kề năm thực hiện kế hoạch; 2. Báo cáo kết quả thực hiện trong quý IV năm thực hiện kế hoạch

 TT Nội dung thực hiện		Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
2	Cập nhật, công bố TTHC: - Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ (cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định khi có quy định thay đổi, sửa đổi, bổ sung về TTHC)	Sở, ban, ngành tỉnh	Sở Tư pháp đơn đốc thực hiện, tổng hợp, báo cáo kết quả	Hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC	Theo quy định tại Điều 15, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ
	- Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Cập nhật các TTHC theo Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh vào Cơ sở dữ liệu quốc gia	Theo quy định tại Điều 26, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ
3	Công khai TTHC: 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã công khai đầy đủ TTHC và các quy định có liên quan tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện công khai tất cả các TTHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương.	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết TTHC	Sở Tư pháp đơn đốc thực hiện, tổng hợp, báo cáo kết quả	1. Bảng niêm yết công khai TTHC, quy định hành chính; 2. Mục công khai TTHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của sở, ban, ngành, UBND cấp huyện; 3. Các hình thức niêm yết công khai khác.	Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác kiểm soát TTHC định kỳ
4	Thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp	Báo báo số lượng tiếp nhận phản ánh, kiến	Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác kiểm soát

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
	thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh theo đúng quy định của Chính phủ và Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của UBND tỉnh		huyện	ngợi và kết quả xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức	TTHC định kỳ
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH				
1	Tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy (100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng quy định về tổ chức bộ máy)	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ.
2	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện (tỷ lệ cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong năm đạt từ 30% số cơ quan, đơn vị trở lên)	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	1. Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cụ thể so với kế hoạch; các kiến nghị, đề xuất	1. Kế hoạch ban hành trong quý IV của năm trước liền kề năm thực hiện kế hoạch; 2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện trong quý III năm thực hiện kế hoạch.
3	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ ngành ban hành; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp; xử lý hoặc kiến nghị xử lý các	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	1. Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ được phân cấp cho các cơ	Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
	án đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra			quan, địa phương. 2. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ đã được phân cấp cho cơ quan, địa phương.	
V	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CB, CCVC				
1	Xác định cơ cấu công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm (100% số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, đơn vị hành chính thuộc UBND cấp huyện và 100% số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, huyện có cơ cấu công ngạch chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được Bộ Nội vụ phê duyệt)	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, huyện	1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, đơn vị hành chính thuộc UBND huyện có cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt; 2. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, huyện có cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt.	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ
2	Tuyển dụng công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	1. Kế hoạch tuyển dụng công chức tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, đơn vị hành chính thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã;	1. Nhiệm vụ thực hiện theo kế hoạch; 2. Báo cáo kết quả tuyển dụng theo quy định

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
				2. Kế hoạch tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, huyện.	
3	Thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạn viên chức theo nguyên tắc cạnh tranh	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	1. Kế hoạch thi nâng ngạch công chức; 2. Kế hoạch thi hoặc xét thăng hạn viên chức.	1. Nhiệm vụ thực hiện theo kế hoạch; 2. Báo cáo kết quả theo quy định.
4	Bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Thực hiện đúng quy định khi bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương	Theo quy định
5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Nội vụ phối hợp; tổng hợp, báo cáo	Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả theo định kỳ hàng năm.
6	Thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ; xác định đối tượng và tiến hành thực hiện tinh giản biên chế từ năm 2016-2021	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	1. Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm của tỉnh; 2. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện tinh giản biên chế.	1. Kế hoạch ban hành trong quý IV của năm trước liền kề năm thực hiện kế hoạch; 2. Báo cáo trong quý IV năm thực hiện kế hoạch.

TT	 Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
7	Công tác đào tạo, bồi dưỡng CB, CCVC của tỉnh	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	1. Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CB, CCVC hàng năm của tỉnh; 2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch (có so sánh % mức độ thực hiện so với kế hoạch đề ra).	1. Kế hoạch ban hành trong quý IV của năm trước liền kề năm thực hiện kế hoạch; 2. Báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.
VI	CÀI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1	Thực hiện đúng quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính (100% cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, đơn vị hành chính thuộc UBND cấp huyện triển khai thực hiện đúng quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính)	Sở Tài chính; UBND cấp huyện	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Báo cáo kết quả thực hiện	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ.
VII	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH				
1	Ứng dụng CNTT của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	1. Quyết định của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm của	1. Kế hoạch ban hành trong quý IV của năm trước liền kề năm thực hiện kế hoạch;

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
				tỉnh; 2. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện (so sánh tỉ lệ % đạt được so với mục tiêu kế hoạch)	2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ.
2	Tăng tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử (phần đầu hàng năm có từ 80% số văn bản trở lên trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử)	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo cáo kết quả thực hiện	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ.
3	Thực hiện kết nối liên thông các phần mềm quản lý văn bản (đến năm 2020, thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản tại 4 cấp (từ cấp trung ương đến cấp tỉnh đến cấp xã).	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo cáo kết quả thực hiện	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ.
4	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	1. Quyết định của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch xây dựng, duy trì và triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 hàng năm của tỉnh; 2. Báo cáo kết quả thực	1. Kế hoạch ban hành trong quý IV của năm trước liền kề năm thực hiện kế hoạch; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ.

	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
5	Nâng cao tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo kết quả thực hiện	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ.
VIII	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỦA LIÊN THÔNG				
1	Tiếp tục duy trì, thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: - 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được thực hiện theo cơ chế một cửa; - 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cơ quan chuyên môn cấp huyện được thực hiện theo cơ chế một cửa; - 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa.	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả thực hiện	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ.
2	Tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa liên thông thuộc các lĩnh vực được quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả thực hiện	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
	09/2015/QĐ-TTg và TTHC thuộc các lĩnh vực khác phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của tỉnh; Quyết định 07/2014/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh (phần đầu đến năm 2020 có từ 50 TTHC trở lên được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông.)				CCHC định kỳ.
3	Phấn đấu trong từng năm, 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng thời hạn quy định	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Báo cáo kết quả thực hiện	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ.
B	NHÓM TIÊU CHÍ CÁN ĐÀU TƯ KINH PHÍ ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN				
I	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH				
1	Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh (xây dựng, triển khai và duy trì, cập nhật theo quy định)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện	Đảm bảo nền tảng hạ tầng kỹ thuật; các ứng dụng nội bộ; dịch vụ chia sẻ, tích hợp; các kênh truy cập và các dịch vụ công trực tuyến mà tỉnh đã đặt ra cùng như định hướng trong chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước	Xây dựng và triển khai trong năm 2017, tiếp tục duy trì, cập nhật trong giai đoạn 2018-2020

						
Nội dung thực hiện		Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	
2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (phần đầu hàng năm có từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên được xử lý trực tuyến mức độ 3 và từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên được xử lý trực tuyến mức độ 4 và đến năm 2020, có từ 80% số hồ sơ TTHC trở lên được xử lý trực tuyến ở mức độ 3 và từ 60% số hồ sơ TTHC trở lên được xử lý trực tuyến ở mức độ 4)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả thực hiện	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ.	
II THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG						
1	Duy trì việc triển khai Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại tại các đơn vị hành chính cấp huyện	UBND cấp huyện	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Báo cáo kết quả thực hiện	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ.	
C NHÓM TIÊU CHÍ KHÓ THỰC HIỆN						
I CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC						
1	Đề xuất sáng kiến mới trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của tỉnh trong năm	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Giải pháp được công nhận mang tính mới, lần đầu tiên được áp dụng trong phạm vi toàn tỉnh	Theo quy định	
II XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CB, CCVC						

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành
1	Cán bộ, công chức cấp xã (phần đầu 100% số cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn và từ 70% số cán bộ, công chức cấp xã trở lên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm)	UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Nội vụ; các đơn vị liên quan	1. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ CBCC cấp xã; 2. Báo cáo kết quả thực hiện.	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ.
III CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG					
1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, huyện (Phần đầu đến năm 2020, từ 80% trở lên số đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp; 100% số đơn vị sự nghiệp công lập đã triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm)	- Sở Tài chính tham mưu triển khai đối với các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; - UBND cấp huyện triển khai đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, huyện	Báo cáo kết quả thực hiện.	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác CCHC định kỳ.
IV HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH					
1	Nâng cao tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (Phần đầu đến năm 2020 có	Sở Khoa học và công nghệ	UBND cấp xã	Báo cáo kết quả thực hiện	1. Thực hiện thường xuyên hàng năm; 2. Báo cáo kết quả cùng với báo cáo công tác



Nội dung thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị thực hiện/phối hợp thực hiện	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành CCHC định kỳ.
100% số đơn vị hành chính cấp xã thực hiện công bố				